

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGUYÊN BÌNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2023/QĐST-DS

Nguyên Bình, ngày 28 tháng 4 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Mạc Văn N, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Xóm L, xã M, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng.

- *Bị đơn:* Ông Mạc Văn H, sinh năm 1961

Địa chỉ: Xóm L, xã M, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Đoàn Thị T1, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Nguyên P - chức vụ: Chủ tịch Ủy

ban nhân dân huyện N, tỉnh Cao Bằng.

Địa chỉ: Tổ B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nông Thị H1 - chức vụ: Trưởng phòng TN huyện N, tỉnh Cao Bằng.

Địa chỉ: Tổ B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng.

2. Ông Mạc Chiến K, sinh năm 1951.

3. Bà Lê Thị N (tên gọi khác: Lê Thị N1), sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Xóm L, xã M, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

4. Ông Mạc Đình S, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Xóm G, xã M, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nội dung tranh chấp:

Ông N, ông H, bà N cùng thỏa thuận ông H và bà N tiếp tục quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản trên đất và thửa đất số 149, tờ bản đồ số 41, diện tích 502,5 m², địa chỉ xóm L, xã M, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng có tứ cận tiếp giáp: Phía Đông giáp thửa đất số 150 (đất đang tranh chấp trong vụ án khác); phía Tây giáp đất ở của ông Ma Văn Bảy; phía Nam giáp đường liên thôn; phía Bắc giáp đất ở của ông Mạc Văn Thống.

Ông H và bà N thanh toán cho ông N số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*). Trong thời hạn hai tháng kể từ khi Tòa án ban hành quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, ông H và bà N phải thanh toán cho ông N số tiền trên.

Ông N, ông H, bà N đề nghị Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Cao Bằng thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 404759, thửa đất số 34, tờ bản đồ số 43 (bản đồ đo vẽ năm 2003 2004), diện tích 502,5 m² tại xóm Thôm Phát (nay là xóm L), xã M, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng đã cấp ngày 20/3/2004 cho ông Mạc Văn N.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 744023 do Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 30/12/2010 cho ông Mạc Văn H và bà Lê Thị N1 đối với thửa đất số 149, tờ bản đồ số 41 (bản đồ đo vẽ năm 2009), diện tích 502,5 m² tại xóm Thôm Phát (nay là xóm L), xã M, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng có giá trị pháp lý.

2.2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.966.000đ (*Năm triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn*). Ông Mạc Văn N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận ông N đã thanh toán xong chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

2.3. Về án phí:

Ông Mạc Văn N, ông Mạc Văn H và bà Lê Thị N là dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Mã Nguyệt Thu